

Cà Mau, ngày 30 tháng 5 năm 2025

**BẢNG CÔNG BỐ**  
**THÔNG TIN NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM**  
**THÁNG 5/ 2025**

**1. Khu vực TP. Cà Mau**

- Tổng số mẫu thử nghiệm (hóa lý và vi sinh): 27 mẫu/ tháng
- Tổng số chỉ tiêu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu nhóm A theo QCDP 01:2022/CM về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Tổng số chỉ tiêu chưa đạt: 0 chỉ tiêu.

**2. Khu vực các huyện**

- Tổng số mẫu thử nghiệm (hóa lý và vi sinh): 58 mẫu/ tháng
- Tổng số chỉ tiêu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu nhóm A theo QCDP 01:2022/CM về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Tổng số chỉ tiêu chưa đạt: 0 chỉ tiêu.

| STT | Khu vực lấy mẫu thử nghiệm | Đơn vị quản lý trực tiếp | Số mẫu/ tháng |         | Kết quả hóa lý |           | Kết quả vi sinh |           | Ghi chú |
|-----|----------------------------|--------------------------|---------------|---------|----------------|-----------|-----------------|-----------|---------|
|     |                            |                          | Hóa lý        | Vi sinh | Đạt            | Không đạt | Đạt             | Không đạt |         |
| 1   | TP. Cà Mau                 | XNCN TPCM 1              | 13            | 13      | 13             | 0         | 13              | 0         |         |
| 2   | TP. Cà Mau                 | XNCN TPCM 2              | 14            | 14      | 14             | 0         | 14              | 0         |         |
| 3   | Huyện Cái Nước             | CNCN Cái Nước            | 4             | 4       | 4              | 0         | 4               | 0         |         |
| 4   | Huyện Phú Tân              | CNCN Phú Tân             | 4             | 4       | 4              | 0         | 4               | 0         |         |
|     |                            | Trạm Việt Thắng          | 3             | 3       | 3              | 0         | 3               | 0         |         |



| STT       | Khu vực lấy mẫu thử nghiệm | Đơn vị quản lý trực tiếp | Số mẫu/ tháng |         | Kết quả hóa lý |           | Kết quả vi sinh |           | Ghi chú |
|-----------|----------------------------|--------------------------|---------------|---------|----------------|-----------|-----------------|-----------|---------|
|           |                            |                          | Hóa lý        | Vi sinh | Đạt            | Không đạt | Đạt             | Không đạt |         |
| 5         | Huyện Năm Căn              | XNCN & MT Năm Căn        | 4             | 4       | 4              | 0         | 4               | 0         |         |
| 6         | Huyện Trần Văn Thời        | CNCN Trần Văn Thời       | 4             | 4       | 4              | 0         | 4               | 0         |         |
| 7         | Huyện Trần Văn Thời        | CNCN Sông Đốc            | 7             | 7       | 7              | 0         | 7               | 0         |         |
| 8         | Huyện Ngọc Hiển            | CNCN Ngọc Hiển           | 7             | 7       | 7              | 0         | 7               | 0         |         |
| 9         | Huyện Thới Bình            | CNCN Thới Bình           | 7             | 7       | 7              | 0         | 7               | 0         |         |
|           |                            | Trạm Khóm 4              | 3             | 3       | 3              | 0         | 3               | 0         |         |
| 10        | Huyện U Minh               | CNCN U Minh              | 9             | 9       | 9              | 0         | 9               | 0         |         |
| 11        | Huyện Đầm Dơi              | CNCN Đầm Dơi             | 5             | 5       | 5              | 0         | 5               | 0         |         |
|           |                            | Trạm Quách Phẩm          | 3             | 3       | 3              | 0         | 3               | 0         |         |
| Tổng Cộng |                            |                          | 85            | 85      | 85             | 0         | 85              | 0         |         |
| Tỉ lệ (%) |                            |                          |               |         | 100            | 0         | 100             | 0         |         |

### Kết luận:

Chất lượng nước tại khu vực TP. Cà Mau và các huyện trên mạng lưới cấp nước được Công ty giám sát chặt chẽ theo QCDP 01:2022/CM về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Phạm Phước Tài**